ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Số: 2192 /QĐ-ĐHTDM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 23/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 52/2026/TT-BGDĐT ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về liên thông giữa trung học nghề, trung cấp, cao đẳng và đại học;

Căn cứ Quyết định số 1938/QĐ-ĐHTDM ngày 07/10/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý đào tạo tại Tờ trình số 136/TTr-BQLĐT ngày 27/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1774/QĐ-ĐHTDM ngày 17/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ; Quyết định số 1342/QĐ-ĐHTDM ngày 27/11/2023 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1774/QĐ-ĐHTDM ngày 17/11/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Quản lý đào tạo, các Trưởng đơn vị thuộc, trực thuộc, sinh viên và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, BQLĐT(04b).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Ngô Hồng Điệp

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2192/QĐ-ĐHTDM ngày 10 tháng 11 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này cụ thể hóa *Quy định đào tạo trình độ đại học* ban hành kèm theo Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 07 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm các quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học; triển khai các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo; chứng chỉ giáo dục đại học; các nội dung khác có liên quan thuộc quy chế đào tạo trình độ đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học.

2. Áp dụng đối với người học trình độ đại học và cán bộ, viên chức tham gia những hoạt động đào tạo có liên quan của Trường Đại học Thủ Dầu Một (sau đây gọi tắt là TDMU).

Điều 2. Giải thích từ ngữ và một số quy định chung

1. Tổ chức và quản lý đào tạo

a) Cấp trường

Chỉ đạo và điều hành thống nhất công tác tổ chức và quản lý đào tạo theo cơ chế mở, liên thông, liên kết và hợp tác giữa các Đơn vị đào tạo.

Điều phối sử dụng các nguồn lực chung (nhân lực, cơ sở vật chất, cơ sở dữ liệu, hệ thống phần mềm quản trị) phục vụ đào tạo.

Quản lý toàn diện công tác tổ chức và quản lý đào tạo của các Trường, Khoa, Viện (sau đây gọi tắt là Đơn vị đào tạo) và các Trung tâm có chức năng đào tạo.

b) Đơn vị đào tạo (gọi tắt là ĐVĐT)

ĐVĐT tổ chức và quản lý đào tạo các ngành học và sinh viên được Nhà trường giao nhiệm vụ; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức đào tạo và quản lý sinh viên.

Xây dựng, phát triển, cập nhật chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết, học liệu giảng dạy theo quy định của Nhà trường và quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông để nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.

Bảo đảm chất lượng hoạt động tổ chức đào tạo và hoạt động chuyên môn đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức quốc tế và Trường Đại học Thủ Dầu Một quy định.

2. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế, tổ chức thực hiện nhằm đạt được mục tiêu đào tạo, cấp văn bằng hoặc chứng chỉ giáo dục đại học cho người học.

3. Chứng chỉ giáo dục đại học

Chứng chỉ giáo dục đại học là chứng chỉ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân xác nhận kết quả học tập giáo dục đại học đã tích lũy của người học.

4. Hình thức dạy học

Quá trình đào tạo tại Trường Đại học Thủ Dầu Một được thực hiện theo nhiều hình thức sau: (1) dạy học lý thuyết (bao gồm trực tuyến, trực tiếp, từ xa hoặc kết hợp); (2) dạy học trên mô hình, mô phỏng; (3) bài tập thực tế; (4) bài tập điển hình. Cụ thể:

Giờ lý thuyết: sinh viên học tập trên lớp qua bài giảng trực tiếp của giảng viên và hỗ trợ của hệ thống quản lý nội dung học tập (LMS - Learning Management System) theo hình thức đồng bộ hoặc không đồng bộ.

Giờ thực hành: sinh viên học tập qua hoạt động thực hành, thực tập, làm thí nghiệm, làm bài tập, thảo luận; qua mô hình, mô phỏng; qua bài tập tình huống trên các thiết bị điển hình; thực hành thực tập gắn với hoạt động thực tiễn.

Giờ tự học: sinh viên tự học và nghiên cứu nội dung theo kế hoạch do giảng viên giao; sinh viên và giảng viên tương tác thông qua hệ thống hỗ trợ quản lý nội dung học tập LMS và được kiểm tra, đánh giá theo kế hoạch trong đề cương chi tiết.

5. Tín chỉ

Tín chỉ là đơn vị dùng để lượng hóa khối lượng học tập của người học, trong đó:

a) Một (01) tín chỉ tương đương từ 45 đến 50 giờ học tập của người học được tính theo đơn vị 60 phút, bao gồm thời gian học trực tiếp, học trực tuyến, thực hành, thí nghiệm, thực tập, tự học có hướng dẫn, các hình thức học tập khác và kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động giảng dạy trực tiếp theo lớp học, một (01) tín chỉ yêu cầu tối thiểu 15 giờ giảng dạy trực tiếp hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận, trong đó, mỗi giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp được thực hiện trong thời lượng 50 phút.

6. Học phần

Học phần hoặc môn học (sau đây gọi chung là học phần) là đơn vị học tập cấu thành cấu trúc chương trình đào tạo, được thiết kế với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá; có khối lượng học tập xác định và được lượng hóa bằng số lượng tín chỉ.

7. Các loại học phần

Học phần bắt buộc: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

Học phần tự chọn: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Nhà trường nhằm đa dạng hóa chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

Học phần điều kiện: là các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh. Kết quả đánh giá các học phần điều kiện không tính vào điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình tích lũy, nhưng là điều kiện để xét công nhận và cấp bằng tốt nghiệp.

Học phần tiên quyết: là học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy trước khi học học phần tiếp theo.

Học phần tương đương và học phần thay thế: khi sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.

8. Liêm chính học thuật

Liêm chính học thuật là việc tuân thủ chuẩn mực đạo đức, nguyên tắc chuyên môn; bảo đảm trung thực, tôn trọng sự thật khách quan; không sao chép, xuyên tạc, làm giả dữ liệu, vi phạm quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ.

9. Học phí

a) Học phí được xác định theo số học phần sinh viên đăng ký trong học kỳ và bằng tổng số tín chỉ của các học phần nhân với mức học phí của một tín chỉ;

b) Mức học phí được thực hiện theo quy định cho từng bậc học và từng hệ đào tạo của học kỳ tương ứng của năm học;

c) Sinh viên học bất kỳ ngành học nào đều có nghĩa vụ đóng học phí theo số tín chỉ đăng ký học trong mỗi học kỳ theo quy định của Nhà trường (trừ sinh viên thuộc đối tượng không phải đóng học phí hoặc được miễn giảm theo quy định hiện hành của Nhà nước);

d) Ban Tài chính thông báo công khai đến sinh viên các quy định về học phí;

đ) Ban Hỗ trợ người học công bố các chế độ, chính sách và thủ tục xét miễn, giảm học phí để sinh viên biết và thực hiện.

10. Tuyển sinh

a) Chỉ tiêu tuyển sinh

Hằng năm, căn cứ vào các điều kiện bảo đảm chất lượng, nhu cầu xã hội và cơ hội nghề nghiệp của sinh viên sau tốt nghiệp, Ban Tuyển sinh và truyền thông phối hợp với Ban Quản lý đào tạo tham mưu Nhà trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho từng ngành, từng hình thức đào tạo.

b) Tổ chức thi và tuyển sinh

Căn cứ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng ban hành kế hoạch tuyển sinh cho từng năm.

11. Trách nhiệm giải trình

Trách nhiệm giải trình là việc cung cấp, cập nhật, công khai, minh bạch thông tin, tiếp nhận, xử lý, phản hồi thông tin, kiến nghị từ các bên liên quan; báo cáo, chịu sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và xã hội.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học

1. Hoạt động đào tạo trình độ đại học được tổ chức theo chuẩn đầu ra, khối lượng học tập, điều kiện bảo đảm chất lượng và trách nhiệm giải trình của Nhà trường; việc bảo đảm chất lượng đào tạo không phụ thuộc hình thức đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo, địa điểm đào tạo hoặc môi trường đào tạo.

2. Nhà trường được tự chủ tổ chức đào tạo, lựa chọn phương thức tổ chức đào tạo, công nhận kết quả học tập, hỗ trợ lộ trình học tập linh hoạt của sinh viên; đồng thời chịu trách nhiệm giải trình về chuẩn đầu ra, điều kiện bảo đảm chất lượng, tính xác thực của kết quả đánh giá, dữ liệu đào tạo và quyền lợi hợp pháp của sinh viên.

3. Bảo đảm quyền học tập, quyền được tiếp cận thông tin, quyền được hỗ trợ học tập và quyền được đối xử công bằng của sinh viên.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, liêm chính học thuật, tuân thủ chuẩn mực đạo đức, nguyên tắc chuyên môn trong tổ chức, quản lý và thực hiện hoạt động đào tạo.

5. Tạo điều kiện để sinh viên học tập suốt đời, học tập linh hoạt, học tập cá thể hóa; công nhận và chuyển đổi kết quả học tập đã tích lũy theo quy định.

6. Bảo đảm sự thống nhất, liên thông trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và thúc đẩy khả năng liên thông, công nhận kết quả học tập với giáo dục đại học quốc tế.

7. Đối với chương trình đào tạo do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng, việc xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, đánh giá, cấp văn bằng và bảo đảm chất lượng thực hiện theo pháp luật về hợp tác, đầu tư, liên kết đào tạo với nước ngoài, thỏa thuận hợp tác hợp pháp giữa các bên và các quy định của Quy chế này nếu không trái với pháp luật có liên quan, đồng thời bảo đảm yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra không thấp hơn quy định tại Quy chế này.

Điều 4. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ học phần, trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành, đồng thời bảo đảm chuẩn đầu ra của từng chương trình. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau.

2. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được áp dụng thống nhất đối với các hình thức đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng sinh viên. Đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành đào tạo khác, khối lượng học tập phải thực hiện được xác định trên cơ sở công nhận hoặc chuyển đổi tín chỉ, miễn trừ học phần theo quy định của chương trình đào tạo và quy chế của cơ sở đào tạo.

3. Chương trình đào tạo được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng.

4. Thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa được xác định là khoảng thời gian thực hiện kế hoạch đào tạo của chương trình đào tạo phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời đảm bảo đa số sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo.

Đối với hình thức đào tạo chính quy, thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với chương trình đào tạo trình độ đại học cấp bằng cử nhân 3,5 - 4 năm, chương trình đào tạo chuyên sâu trình độ bậc 4 – 4,5 năm.

5. Thời gian đào tạo chuẩn của hình thức đào tạo thường xuyên phải dài hơn ít nhất một phần tư (1/4) so với thời gian đào tạo chuẩn của cùng chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy.

6. Thời gian khóa học đồng thời hai chương trình đào tạo không vượt quá thời gian đào tạo tối đa của chương trình đào tạo thứ nhất.

7. Thời gian đào tạo tối thiểu để hoàn thành chương trình đào tạo không ít hơn hai phần ba (2/3) thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo, và thời gian đào tạo tối đa bằng thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo cộng thêm 2 năm. Đối với người học các chương trình đào tạo liên thông và đại học văn bằng 2 đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ.

Điều 5. Tổ chức đào tạo

1. Nhà trường tổ chức đào tạo theo tín chỉ đối với chương trình đào tạo trình độ đại học của tất cả các khóa và các hình thức đào tạo.

2. Đào tạo theo tín chỉ:

a) Là cách thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của cơ sở đào tạo;

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

3. Sinh viên có chứng chỉ giáo dục đại học còn thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 18 của Quy chế được cơ sở đào tạo công nhận để thay thế học phần tương đương trong chương trình đào tạo.

Điều 6. Hình thức và phương thức tổ chức đào tạo

1. Hình thức đào tạo chính quy được quy định như sau:

a) Hoạt động giảng dạy có sự hiện diện đồng thời, tương tác trực tiếp giữa giảng viên và sinh viên, được tổ chức tập trung tại trường trong khung giờ ban ngày chiếm trên 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo; phần được thực hiện theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa và phần thực hiện tại cơ sở phối hợp liên kết đào tạo trong nước và phần được công nhận, chuyển đổi tín chỉ cộng lại không làm cho khối lượng thực học trực tiếp tại cơ sở đào tạo thấp hơn tỷ lệ nêu trên;

b) Sinh viên theo học tập trung toàn thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa và thời khóa biểu do cơ sở đào tạo bố trí; được tuyển sinh theo kế hoạch chung cho tuyển sinh hình thức đào tạo chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

c) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy và học tập từ 07 giờ 00 phút đến 21 giờ 15 phút các ngày trong tuần từ thứ Hai đến thứ Bảy, thống nhất trong toàn trường. Thời gian nghỉ giữa buổi là 20 phút; thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của các chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định của Trường.

2. Hình thức đào tạo thường xuyên:

a) Được tổ chức theo thời gian linh hoạt tại các địa điểm đào tạo đáp ứng điều kiện bảo đảm chất lượng và được cấp phép hoạt động. Các hoạt động đào tạo được thực hiện tại cơ sở đào tạo hoặc cơ sở phối hợp đào tạo theo quy định của Quy chế này; hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và đào tạo theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa có thể được tổ chức tại địa điểm khác theo quy định của cơ sở đào tạo;

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy được bố trí vào cuối tuần hoặc buổi tối các ngày trong tuần.

3. Đối với hình thức đào tạo chính quy, hình thức đào tạo thường xuyên, Nhà trường có thể thực hiện một hoặc đồng thời các phương thức tổ chức đào tạo

gồm: trực tiếp, từ xa; kết hợp giữa trực tiếp và từ xa. Hình thức đào tạo chính quy đồng thời phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Phương thức tổ chức đào tạo từ xa phải đáp ứng các yêu cầu về việc ứng dụng công nghệ trong giáo dục đại học và các yêu cầu sau đây:

a) Có hệ thống tổ chức đào tạo từ xa bao gồm quy chế quản lý, bộ phận quản lý, đội ngũ giảng viên và nhân sự hỗ trợ, hệ thống quản lý học tập (LMS), hệ thống kiểm tra, đánh giá, hạ tầng kỹ thuật và thư viện số đáp ứng yêu cầu tổ chức đào tạo;

b) Hoạt động phương thức tổ chức đào tạo từ xa phải có hệ thống quản lý học tập, học liệu số, cơ chế xác thực danh tính sinh viên, cơ chế theo dõi tiến độ học tập, lưu trữ dữ liệu giảng dạy - học tập - đánh giá, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an toàn thông tin, liêm chính học thuật và hỗ trợ kỹ thuật, học thuật cho sinh viên;

c) Giáo trình, học liệu, bài giảng điện tử, kế hoạch học tập, dữ liệu về hoạt động giảng dạy, học tập và kết quả đánh giá của sinh viên được quản lý, lưu trữ trên LMS theo quy định của pháp luật.

5. Trước khi tuyển sinh, Nhà trường công bố công khai trên cổng thông tin điện tử các nội dung sau: hình thức đào tạo; phương thức tổ chức đào tạo; chương trình thực hiện theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa phải công bố tỷ lệ thời lượng giảng dạy được tổ chức theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa; kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo; danh mục học liệu chính, học liệu bổ trợ cho từng học phần; phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá; các điều kiện bảo đảm chất lượng phục vụ tổ chức đào tạo.

Điều 7. Hoạt động liên kết đào tạo trong nước

1. Liên kết đào tạo thực hiện giữa hai cơ sở đào tạo được cấp phép hoạt động giáo dục đại học; không thực hiện liên kết đào tạo đối với các ngành đào tạo giáo viên, quốc phòng, an ninh.

2. Liên kết đào tạo đối với các chương trình, ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe thực hiện giữa hai cơ sở giáo dục đại học được cấp phép hoạt động trong phạm vi cấp phép cùng thuộc lĩnh vực sức khỏe và các cơ sở liên kết đào tạo phải đáp ứng đầy đủ các quy định về chuẩn chương trình đào tạo và chuẩn cơ sở giáo dục đại học đối với việc đào tạo ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe theo quy định của pháp luật.

3. Số lượng tuyển sinh của các chương trình, ngành liên kết đào tạo được tính vào số lượng tuyển sinh của mỗi cơ sở đào tạo theo tỷ lệ giảng viên tham gia của mỗi bên.

4. Các yêu cầu tối thiểu đối với cơ sở chủ trì đào tạo:

a) Bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy chương trình liên kết chiếm tối thiểu 50% khối lượng học tập, không bao gồm khối lượng chương trình giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh;

b) Đã ban hành quy định về liên kết và thẩm định các yêu cầu bảo đảm chất lượng của cơ sở phối hợp đào tạo và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định.

5. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo:

a) Cơ sở chủ trì chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, cùng cơ sở phối hợp đào tạo thực hiện nội dung đã thỏa thuận phù hợp với các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố nơi liên kết đào tạo ngay sau khi tuyển sinh;

b) Trường hợp cơ sở phối hợp đào tạo không đáp ứng được các yêu cầu về bảo đảm chất lượng theo quy định của học phần hoặc của chương trình đào tạo thì phải chuyển sinh viên về cơ sở chủ trì liên kết đào tạo để tiếp tục đào tạo theo quy định và bảo đảm quyền lợi cho sinh viên;

c) Bảo đảm không để gián đoạn học tập của sinh viên và bồi hoàn chi phí phát sinh nếu dừng tổ chức đào tạo;

d) Trường hợp tạm dừng, chấm dứt đào tạo phải công bố và thực hiện phương án bảo đảm mọi quyền lợi cho sinh viên (kế hoạch học tiếp, chuyển chương trình, tín chỉ, học phí, tốt nghiệp...).

Điều 8. Liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài

1. Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài phải là cơ sở đào tạo hoạt động hợp pháp, có tư cách pháp nhân tại nước sở tại và được phép đào tạo, cấp bằng từ trình độ đại học trở lên.

2. Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài phải được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng có thẩm quyền ở nước sở tại công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng (hoặc được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận).

3. Chương trình liên kết đào tạo phải là chương trình đã được triển khai đào tạo trực tiếp tại trụ sở chính của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài.

4. Yêu cầu đầu vào và đầu ra của chương trình liên kết đào tạo không được thấp hơn yêu cầu đầu vào và chuẩn của chương trình đào tạo tương ứng tại Việt Nam.

5. Văn bằng do trường nước ngoài cấp cho sinh viên học tại Việt Nam phải tương đương hoàn toàn (về hình thức, giá trị pháp lý, cơ hội học lên cao) với văn bằng cấp tại trụ sở chính, không được có sự phân biệt đối xử về địa điểm học.

6. Giảng viên của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài trực tiếp tham gia giảng dạy ít nhất 25% tổng khối lượng của chương trình liên kết đào tạo và có trình độ từ thạc sĩ trở lên; có học hàm, học vị phù hợp quy định và năng lực ngoại ngữ đáp ứng điều kiện truyền tải chương trình.

7. Số lượng tuyển sinh của chương trình liên kết đào tạo được tính vào tổng số lượng tuyển sinh của mỗi cơ sở đào tạo theo tỷ lệ giảng viên tham gia của mỗi bên theo năm tuyển sinh.

8. Các cơ sở giáo dục đại học tham gia liên kết đào tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật và theo thỏa thuận liên kết về việc tổ chức tuyển sinh, đào tạo, đánh giá kết quả học tập, cấp văn bằng, quản lý người học và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người học, giảng viên trong suốt quá trình tổ chức đào tạo.

CHƯƠNG II

KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 9. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Kế hoạch giảng dạy và học tập chi tiết hóa việc tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo theo năm học, học kỳ và phù hợp với từng hình thức đào tạo.

2. Học kỳ là khoảng thời gian nhất định gồm một số tuần dành cho hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá kiến thức. Mỗi năm học gồm 03 học kỳ, trong đó: học kỳ chính (Học kỳ 1, 2), gồm 19-21 tuần và học kỳ phụ (học kỳ 3/ học kỳ hè) gồm 8-10 tuần với tổng số tuần tối thiểu học trên lớp là 30 tuần học tập, giảng dạy và hoạt động đào tạo theo kế hoạch.

3. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường ban hành kế hoạch năm học. Trên cơ sở kế hoạch năm học do Nhà trường ban hành, Ban Quản lý đào tạo xây dựng thời khóa biểu; Ban Đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch kiểm tra kết thúc học phần, kiểm tra, đánh giá thống nhất trong toàn trường; các Đơn vị đào tạo thông báo cho sinh viên kế hoạch học tập của năm học.

4. Chậm nhất 04 tuần trước ngày học chính thức của học kỳ mới bắt đầu, Ban Quản lý đào tạo thông báo:

a) Thời khóa biểu của lớp học phần dự kiến giảng dạy trong học kỳ, gồm các thông tin: tên học phần, số tín chỉ, tên lớp học phần, giờ học, phòng học, số lượng sinh viên của lớp học phần, thông tin giảng viên và các thông tin khác (nếu có).

b) Thời gian và cách thức đăng ký học phần theo thông báo cụ thể của từng học kỳ.

5. Sau khi hết hạn đăng ký học phần, tùy theo tình hình đăng ký thực tế, Ban Quản lý đào tạo thông báo các học phần không thể tổ chức giảng dạy theo kế hoạch và đề xuất hướng giải quyết.

Điều 10. Tổ chức đăng ký học tập

1. Đầu mỗi năm học, Ban Quản lý đào tạo thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy để sinh viên đăng ký học cho từng học phần.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, sinh viên trực tiếp đăng ký học các học phần dự định học trong học kỳ với số tín chỉ phải đăng ký như sau[1]:

a) Khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn;

b) Khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn, trừ trường hợp sinh viên có học lực từ loại Khá trở lên;

c) Đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình đào tạo, không áp dụng khối lượng học tập tối đa trong một học kỳ;

d) Đối với học kỳ 3, học kỳ 1 năm nhất và học kỳ cuối khóa: không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên.

3. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

4. Các học phần tốt nghiệp được thiết kế vào cuối chương trình đào tạo và thực hiện theo Quy định của Nhà trường.

5. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập, chương trình đào tạo/ngành để đăng ký các học phần dự định sẽ học trong học kỳ theo quy định của Nhà trường.

6. Học sinh trung học phổ thông thuộc đối tượng được miễn thi tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã hoàn thành và đạt kết quả học tập xếp loại tốt năm học lớp 10, 11 cấp học trung học phổ thông, được phép đăng ký học tích lũy tín chỉ giáo dục đại học của cơ sở giáo dục đại học.

Kết quả học tập của học sinh tích lũy tại cơ sở giáo dục đại học được xem xét công nhận vào chương trình đào tạo trình độ đại học sau khi người học đáp ứng điều kiện trúng tuyển hoặc được công nhận là sinh viên của cơ sở đào tạo, đồng thời kết quả học tập phải còn phù hợp với chuẩn đầu ra và thời hạn giá trị.

Khối lượng đăng ký học tập của người học được quy định như sau:

a) Khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn, trừ học kỳ cuối khóa hoặc các trường hợp đặc biệt;

b) Khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn, trừ trường hợp sinh viên có học lực từ loại Khá trở lên.

---

[1] *Không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh, Ngoại ngữ, Công nghệ thông tin, Kỹ năng xã hội.*

Quy trình, tổ chức quản lý, lưu trữ, việc đăng ký học tập của người học ở mỗi học kỳ, việc rút bớt học phần đã đăng ký được thực hiện theo quy định của chương trình đào tạo mà người học đang theo học.

Nhà trường có trách nhiệm phối hợp với cơ sở giáo dục phổ thông hướng dẫn, giám sát và quản lý người học thực hiện đúng nội quy, quy chế của Nhà trường, bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ của người học.

7. Kết quả đăng ký học phần

Ban Quản lý đào tạo thông báo kết quả đăng ký học phần khi sinh viên đã hoàn thành việc đăng ký, bảo đảm khối lượng học tập của học kỳ không trái với quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 11. Hủy học phần đã đăng ký

1. Trong thời gian quy định (02 tuần đầu học kỳ đối với học kỳ chính và 01 tuần đầu học kỳ đối với học kỳ 3/học kỳ hè), nếu sinh viên có nguyện vọng rút học phần hoặc hủy học phần đã đăng ký, phải làm đơn theo mẫu gửi về Đơn vị đào tạo và được chấp nhận.

Sinh viên không phải lên lớp đối với học phần xin rút hoặc hủy học phần đã đăng ký khi sinh viên và giảng viên phụ trách học phần nhận được thông báo của Ban Quản lý đào tạo.

Đối với học phần được rút hoặc hủy, sinh viên được hoàn trả học phí theo đúng quy định.

Ngoài thời hạn trên, học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học, phải nhận điểm 0 và có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ học phí cho Nhà trường.

2. Điều kiện rút, hủy các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi về bộ môn/ngành;

b) Được Trưởng bộ môn/ngành đồng ý cho rút;

c) Không vi phạm khoản 2 Điều 10 của Quy chế này.

Điều 12. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập

a) Phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên, phù hợp với quy định về chế độ làm việc của giảng viên;

b) Phát huy vai trò chủ động đồng thời đề cao trách nhiệm của sinh viên, tạo điều kiện và động lực để sinh viên nỗ lực học tập; giữ vững kỷ cương học đường, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo;

c) Có cơ chế kiểm tra, giám sát nội bộ và có hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của sinh viên.

2. Tổ chức lớp học

a) Lớp khóa học: được tổ chức cho các sinh viên cùng một ngành học trong cùng một khóa học, có mã hiệu theo quy định của Nhà trường và ổn định từ đầu đến cuối mỗi khóa. Phụ trách là cố vấn học tập. Đại diện lớp là Ban cán sự lớp.

b) Lớp học phần: được tổ chức cho sinh viên học cùng một học phần trong cùng một học kỳ. Bộ môn/ngành phụ trách học phần có trách nhiệm thành lập và quản lý lớp học phần[2].

Nhà trường quy định số lượng sinh viên tối thiểu và tối đa cho mỗi lớp học phần. Nếu số sinh viên đăng ký ít hơn số lượng sinh viên tối thiểu đã quy định thì lớp sẽ không được tổ chức; khi đó sinh viên phải đăng ký học phần khác nếu chưa đủ khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ.

3. Phương thức tổ chức đào tạo

a) Nhà trường tổ chức các lớp học theo phương thức trực tiếp, trực tuyến và từ xa khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất, điều kiện bảo đảm chất lượng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học theo phương thức tổ chức đào tạo trực tuyến, từ xa tương đương lớp học phương thức trực tiếp;

b) Đối với đào tạo trình độ đại học, tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến.

c) Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, cơ sở đào tạo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Không áp dụng phương thức tổ chức đào tạo trực tuyến, từ xa đối với các học phần thực hành chuyên ngành, thực hành lâm sàng, thực tập nghề nghiệp và đánh giá năng lực nghề nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe; phần thực hành nghề nghiệp cốt lõi của các ngành nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và sáng tác nghệ thuật, các học phần đòi hỏi tương tác trực tiếp giữa giảng viên và sinh viên các ngành thuộc lĩnh vực nghệ thuật, biểu diễn theo quy định.

4. Trưởng các Đơn vị đào tạo hoặc Trưởng bộ môn/ngành căn cứ vào kế hoạch đào tạo đầu năm học để phân công giảng viên phụ trách các lớp học phần, giảng dạy và hướng dẫn sinh viên thực hiện thí nghiệm, thực hành, thực tập, đồ án, khóa luận và các hoạt động học tập khác phù hợp với quy định của Nhà trường.

5. Ban Đảm bảo chất lượng tiến hành lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học của cơ sở đào tạo và việc công khai ý kiến phản hồi của sinh viên, bao gồm nội dung, mức độ, hình thức công khai theo kế hoạch cụ thể hằng năm.

6. Các đơn vị chuyên môn, các đơn vị quản lý, hỗ trợ liên quan, giảng viên được phân công giảng dạy hoặc hướng dẫn sinh viên có trách nhiệm thực hiện

---

[2] Lớp học phần được gọi theo mã học phần. Một học phần có nhiều lớp học phần, tên mỗi lớp sẽ là tên lớp học phần và bổ sung thêm số thứ tự lớp học phần.

đúng quy định về chế độ làm việc của viên chức, người lao động tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 13. Trách nhiệm của sinh viên trong học tập

1. Tìm hiểu, nghiên cứu để nắm vững chương trình đào tạo của ngành đào tạo, kế hoạch học tập mỗi học kỳ và những quy định, chế độ liên quan của Nhà trường. Khi cần thiết, sinh viên liên hệ với cố vấn học tập, Đơn vị đào tạo, các đơn vị quản lý chức năng hoặc giảng viên giảng dạy học phần để được hướng dẫn và giúp đỡ.

2. Thường xuyên theo dõi các thông báo, đọc kỹ các tài liệu hướng dẫn mỗi học kỳ để thực hiện các công việc học vụ theo đúng trình tự và đúng thời hạn.

3. Thực hiện đăng ký học phần mỗi học kỳ theo đúng quy định, quy trình.

4. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các yêu cầu của học phần đã đăng ký; tham dự các kỳ kiểm tra, đánh giá và thi kết thúc học phần theo đúng lớp học phần đã đăng ký.

5. Bảo mật các thông tin cá nhân, tài khoản cá nhân được Nhà trường cung cấp.

6. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà trường.

Điều 14. Quản lý chất lượng đào tạo và dữ liệu đào tạo

1. Nhà trường thiết lập và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong đối với hoạt động đào tạo trình độ đại học; định kỳ rà soát chương trình đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo, hoạt động đánh giá, điều kiện bảo đảm chất lượng và kết quả đầu ra của sinh viên theo quy định.

2. Quản lý đầy đủ, chính xác, an toàn dữ liệu về tuyển sinh, đăng ký học tập, quá trình học tập, đánh giá, công nhận tín chỉ, cảnh báo học tập, kỷ luật, tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ và tình trạng việc làm sau tốt nghiệp; cập nhật dữ liệu theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo sử dụng dữ liệu, báo cáo, kết quả kiểm định, kết quả thanh tra, kiểm tra và phản ánh của sinh viên, giảng viên, người sử dụng lao động để giám sát chất lượng đào tạo; yêu cầu Nhà trường giải trình, khắc phục hoặc xử lý theo thẩm quyền khi phát hiện vi phạm hoặc nguy cơ không bảo đảm chất lượng.

CHƯƠNG III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 15. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu ba điểm thành phần trong đó điểm thi cuối kỳ có trọng số tối thiểu 50%, đối với các học

phần có khối lượng học tập nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có hai điểm đánh giá, đối với đồ án tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10 đáp ứng chuẩn đầu ra học phần, chương trình đào tạo. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

2. Việc đánh giá kết quả học theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận được thực hiện từ xa khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 03 thành viên;

b) Hình thức bảo vệ và đánh giá từ xa được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và sinh viên;

c) Diễn biến của buổi bảo vệ từ xa được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

3. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0 (không); sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

4. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn đến hai chữ số thập phân (thang điểm 10). Sau đó, điểm học phần được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 tương ứng dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

STT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,00 đến 10,0	A	4,0
2	Từ 8,50 đến 8,99	A^{-}	3,7
3	Từ 8,00 đến 8,49	B+	3,5
4	Từ 7,00 đến 7,99	B	3,0
5	Từ 6,50 đến 6,99	C+	2,5
6	Từ 5,50 đến 6,49	C	2,0
7	Từ 5,00 đến 5,49	D+	1,5

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,00 trở lên.

c) Loại không đạt áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

STT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 4,00 đến 4,99	D	1,0
2	Dưới 4,00	F	0

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

đ) Trường hợp sinh viên có điểm quá trình hoặc điểm kết thúc học phần là vắng (không có điểm) hoặc điểm 0 (không) thì điểm học phần chỉ được tính tối đa là 4,90 theo thang điểm 10 (điểm không đạt).

5. Học lại, thi và học cải thiện điểm:

Sinh viên phải đăng ký học lại đối với các học phần bị điểm dưới 5,00, cụ thể:

a) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc chọn một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc chọn một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

b) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo;

c) Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 5 của Điều 9, sinh viên được đăng ký học lại để cải thiện điểm trung bình tích lũy. Điểm cuối cùng của học phần học cải thiện là điểm cao nhất trong các lần học. Khi đăng ký học cải thiện, học phí được tính theo mức áp dụng cho lần đăng ký học lần thứ nhất.

Điều 16. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học dựa trên kết quả các học phần thuộc chương trình đào tạo theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc từ đầu khóa học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình chung tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số theo thang điểm 4, thang điểm 10 được quy định tại điểm a, điểm c khoản 4 Điều 15 của Quy chế này và được làm tròn đến 02 chữ số thập phân, theo công thức sau:

$$\text{Điểm TBHK/TBNH/TBCTL} = \frac{\sum(\text{Điểm học phần x Số tín chỉ của học phần})}{\text{Tổng số tín chỉ của các học phần}}$$

2. Những điểm chữ không được quy định tại điểm a, điểm c khoản 4 Điều 15 không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc điểm trung bình chung tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

3. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình chung tích lũy được làm tròn đến hàng phần trăm và quy định như sau:

STT	Thang điểm 10	Thang điểm 4	Xếp loại
1	Từ 9,00 đến 10,0	Từ 3,60 đến 4,0	Xuất sắc
2	Từ 8,00 đến 8,99	Từ 3,20 đến 3,59	Giỏi
3	Từ 7,00 đến 7,99	Từ 2,50 đến 3,19	Khá
4	Từ 5,00 đến 6,99	Từ 2,00 đến 2,49	Trung bình
5	Từ 4,00 đến 4,99	Từ 1,00 đến 1,99	Yếu
6	Dưới 4,00	Dưới 1,00	Kém

4. Sinh viên được xếp trình độ theo năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

a) Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;

b) Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;

c) Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;

d) Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$;

đ) Trình độ năm thứ năm: $4M \leq N < 5M$.

e) Trình độ năm thứ sáu: $5M \leq N < 6M$.

5. Điểm trung bình học kỳ được dùng để xét khen thưởng sau mỗi học kỳ, được tính theo kết quả điểm kiểm tra, đánh giá học phần ở lần thứ nhất.

6. Điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình năm học được dùng để phân loại kết quả học tập, xử lý học vụ được tính theo điểm học phần cao nhất trong các lần học.

7. Điểm trung bình tích lũy và số tín chỉ tích lũy là cơ sở để đánh giá chung về tiến độ học tập và học lực của sinh viên trong quá trình học tại trường, đồng thời là cơ sở xếp hạng khi tốt nghiệp.

8. Các quy định khác thực hiện theo quy định về công tác Khảo thí của Nhà trường.

Điều 17. Xử lý kết quả học tập

1. Cuối năm học, sinh viên được cảnh báo học tập dựa trên một số điều kiện như sau:

a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24;

b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai; dưới 1,60 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba; dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo;

d) Vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 10 của Quy chế này.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Bị cảnh báo học vụ lần thứ 2 liên tiếp;

b) Thời gian học tập vượt quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định tại khoản 7 Điều 4 của Quy chế này;

c) Hết hạn nghỉ học tạm thời quá 1 học kỳ chính;

d) Sinh viên còn đang trong thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo, tự ý bỏ học (không đăng ký học phần 01 học kỳ chính) hoặc bỏ thi từ một học kỳ chính trở lên;

đ) Sinh viên tự ý tham gia xét tuyển hoặc thi tuyển và trúng tuyển ở nơi khác khi chưa được sự đồng ý của cơ sở đào tạo đang theo học.

3. Quy trình cảnh báo học vụ

a) Tuần đầu tiên sau khi kết thúc thời gian nhập điểm của học kỳ, Ban Quản lý đào tạo tiến hành xét cảnh báo học vụ trên phần mềm quản lý sinh viên, thông báo và nhận phản hồi (nếu có) về kết quả cảnh báo học vụ kèm theo danh sách sinh viên nằm trong diện xử lý kết quả học tập (lần 1, lần 2) đến các đơn vị có liên quan và sinh viên;

b) Tuần thứ hai sau khi kết thúc thời gian nhập điểm của học kỳ, Ban Quản lý đào tạo nhận, xử lý kết quả phản hồi từ các Đơn vị đào tạo có liên quan và sinh viên. Sau đó, gửi danh sách sinh viên thuộc diện xử lý kết quả học tập đến Ban Hỗ trợ người học để xử lý theo quy định;

c) Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận kết quả cảnh báo học vụ từ Ban Quản lý đào tạo, Ban Hỗ trợ người học phối hợp với các Đơn vị đào tạo thực hiện quy trình kỷ luật theo quy định, đồng thời thông báo kết quả cho sinh viên, gia đình và địa phương.

4. Sinh viên bị buộc thôi học được cấp bảng điểm kết quả học tập đã tích lũy theo quy định.

Điều 18. Chứng chỉ giáo dục đại học, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả tích lũy được sử dụng làm căn cứ công nhận, chuyển đổi kết quả học tập trong cùng cơ sở đào tạo hoặc khi chuyển chương trình đào tạo, chuyển ngành, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức học (có quyết định phê duyệt của Hiệu trưởng) theo quy định. Nhà trường xác nhận, cấp chứng chỉ giáo dục đại học cho sinh viên đã hoàn thành một phần của chương trình đào tạo.

2. Chứng chỉ giáo dục đại học có thời hạn giá trị tối đa không vượt quá 2,0 lần thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo kể từ ngày được thi kết thúc học phần hoặc công nhận chứng chỉ.

3. Kết quả học tập của sinh viên đã tích lũy từ một trình độ đào tạo đại học khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo đại học khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác sau khi hoàn thành chương trình đào tạo được cơ sở đào tạo xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học dựa trên khối lượng học tập, nội dung chuyên môn, chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

4. Sinh viên được Nhà trường xem xét công nhận để chuyển đổi tín chỉ của các học phần trên cơ sở kết quả học tập theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa hoặc các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm mà sinh viên đã tích lũy được thông qua quá trình học tập, làm việc khi bảo đảm:

a) Phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và yêu cầu của chương trình đào tạo;

b) Việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ phải được thực hiện trên cơ sở đánh giá học thuật, bảo đảm công bằng, minh bạch và chất lượng chương trình đào tạo, thời hạn sử dụng công nhận kết quả học tập, chứng chỉ;

c) Sinh viên được công nhận chuyển đổi kết quả học tập không vượt quá 50% khối lượng chương trình đào tạo chuẩn, thời hạn hiệu lực của kết quả học tập không vượt quá thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày bắt đầu học kỳ mới, sinh viên nộp đơn xin công nhận, chuyển đổi kết quả

học tập tại Đơn vị đào tạo. Hội đồng chuyên môn cấp Đơn vị đào tạo căn cứ vào các quy định hiện hành tiến hành đánh giá, công nhận và chuyển đổi kết quả học tập và gửi kết quả đến Ban Quản lý đào tạo để trình Hiệu trưởng phê duyệt. Sau thời gian 30 ngày, căn cứ vào kết quả công nhận, chuyển đổi kết quả học tập đã được phê duyệt, sinh viên tiếp tục hoàn thành các học phần còn lại theo quy định của chương trình đào tạo hiện hành. Sinh viên được phép nộp đơn đề nghị công nhận, chuyển đổi kết quả học tập 01 lần cho 01 khóa học;

d) Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ phải dựa trên đối sánh chuẩn đầu ra, khối lượng học tập, nội dung học tập, mức độ tương đương về đánh giá, điều kiện bảo đảm chất lượng và tính xác thực của kết quả học tập; kết quả công nhận không làm giảm yêu cầu chất lượng hoặc thay đổi chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

đ) Các chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng làm minh chứng đạt yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định.

Điều 19. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số tín chỉ của các học phần theo yêu cầu của chương trình đào tạo và điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,00 trở lên;

c) Hoàn thành các yêu cầu cần đạt của chương trình đào tạo và các yêu cầu khác theo quy định chuẩn chương trình đào tạo;

d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh, hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất và các điều kiện về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng xã hội theo quy định;

đ) Hoàn thành các nghĩa vụ về tài chính và các nghĩa vụ khác đối với Nhà trường (nếu có);

e) Tại thời điểm xét tốt nghiệp, thời gian học tập không trái với quy định tại khoản 7 Điều 4 của Quy chế này;

g) Có đơn đề nghị xét tốt nghiệp gửi Đơn vị đào tạo trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học;

h) Đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình, sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai cách thời điểm đăng ký học chương trình thứ hai ít nhất là 02 năm.

2. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, nhưng không có nhu cầu tốt nghiệp (do có nguyện vọng học cải thiện điểm) phải gửi đơn đề nghị hủy kết quả xét tốt

nghiệp đến Đơn vị đào tạo theo thời gian quy định được thông báo trong từng đợt xét. Trường hợp sinh viên không đề nghị hủy kết quả xét tốt nghiệp, các học phần có kết quả sau khi đã xét công nhận và cấp bằng tốt nghiệp sẽ không được công nhận và không được tính vào điểm trung bình tốt nghiệp.

3. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ đại học xem xét, thông qua danh sách sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp theo khoản 1 Điều này.

4. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp theo Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân hiện hành tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà trường.

5. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa được quy định tại khoản 3 Điều 16 của Quy chế này, trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng của các học phần phải học lại quá 10% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo;

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học;

c) Sinh viên vi phạm các quy định về liêm chính học thuật, liêm chính khoa học.

6. Nhà trường có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ học tập, văn bằng; cập nhật văn bằng của sinh viên trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học theo đúng quy định.

7. Sinh viên không tốt nghiệp:

a) Được cấp chứng chỉ giáo dục đại học hoặc bảng điểm các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo;

b) Được xác nhận đã tham gia học tập các học phần trong chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo.

CHƯƠNG IV

CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP, XỬ LÝ VI PHẠM CỦA SINH VIÊN

Điều 20. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Sinh viên được xem xét nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau và không tính vào thời gian đào tạo tối đa của chương trình đào tạo:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;

b) Được điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc gia, quốc tế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, sinh viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học vì các lý do sau:

a) Hoàn cảnh gia đình (cha, mẹ, anh, chị, em, con bị ốm nặng hoặc qua đời);

b) Hoàn cảnh khó khăn;

c) Thay đổi vị trí việc làm, được cử đi công tác dài ngày vượt quá thời gian được phép vắng học của học phần đang theo học;

d) Lý do bất khả kháng (thiên tai, lũ lụt, hạn hán…).

Phải có giấy xác nhận của cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc đơn vị đang công tác nếu đã học tối thiểu 01 học kỳ ở trường và không thuộc các trường hợp bị xử lý kết quả học tập theo tín chỉ quy định tại Điều 17. Thời gian nghỉ học tạm thời trong trường hợp này sẽ được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 7 Điều 4 của Quy chế này.

Sinh viên xin nghỉ học tạm thời quy định tại khoản 2 Điều này, phải nộp đơn về Đơn vị đào tạo trong vòng 7 ngày, kể từ ngày có kết quả cảnh báo học vụ của học kỳ trước liền kề học kỳ xin nghỉ học tạm thời. Các trường hợp còn lại, sinh viên phải nộp đơn về Đơn vị đào tạo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được các cơ quan có thẩm quyền thông báo, xác nhận. Sau thời gian trên, các trường hợp sinh viên xin nghỉ học tạm thời quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này sẽ được tiếp nhận, xem xét và xử lý theo quy định ở học kỳ sau liền kề.

3. Sinh viên được giải quyết nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học tối đa 03 (ba) học kỳ liên tiếp cho 01 (một) lần nộp hồ sơ và nộp hồ sơ tối đa không quá 02 (hai) lần trong tổng thời gian đào tạo được phép học. Các lần nộp hồ sơ cách nhau ít nhất 01 (một) học kỳ, trừ học kỳ 3/học kỳ hè và các trường hợp lý do liên quan đến sức khỏe hoặc bất khả kháng.

4. Sinh viên phải hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà trường trước khi được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học (trừ các trường hợp đặc biệt được Hiệu trưởng phê duyệt).

5. Sau khi kết thúc thời gian nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học, sinh viên phải viết đơn học trở lại gửi Đơn vị đào tạo để xem xét, phê duyệt ít nhất 15 ngày trước khi bắt đầu học kỳ mới. Sau thời gian này, sinh viên không nộp đơn học trở lại được xem như nghỉ học không phép và sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định.

6. Sinh viên xin thôi học vì lý do cá nhân phải hoàn thành và có kết quả xếp loại học tập ít nhất 1 học kỳ, không nằm trong diện xử lý kết quả học tập theo tín chỉ quy định tại Điều 17, sinh viên nộp đơn về Đơn vị đào tạo trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc nhập điểm của học kỳ trước liền kề. Sau thời gian này, sinh viên có nguyện vọng thôi học sẽ được tiếp nhận, xem xét và xử lý theo quy định vào học kỳ sau liền kề.

7. Sinh viên bị buộc thôi học hoặc xin thôi học quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

8. Thời gian tiếp nhận đơn của sinh viên quy định tại khoản 2, khoản 5, khoản 6 Điều này căn cứ vào kế hoạch đào tạo bậc đại học được Ban Quản lý đào tạo ban hành vào đầu mỗi năm học.

9. Các Đơn vị đào tạo chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành hủy đăng ký các học phần theo nguyện vọng của sinh viên trong thời gian 15 ngày kể từ ngày có Quyết định tạm dừng học hoặc thôi học.

Điều 21. Chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức đào tạo

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác, hoặc một phân hiệu khác của cơ sở đào tạo, hoặc giữa phân hiệu và trụ sở chính khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Sinh viên đã đạt trình độ năm thứ nhất và không phải là sinh viên năm cuối khóa, không thuộc diện xem xét xử lý kết quả học tập tại Điều 17 và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 7 Điều 4 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào của chương trình, ngành đào tạo của trụ sở chính (hoặc phân hiệu) chuyển đến trong cùng khóa tuyển sinh và các quy định khác của cơ sở đào tạo;

c) Trụ sở chính (hoặc phân hiệu) đáp ứng đầy đủ điều kiện bảo đảm chất lượng của chương trình đào tạo trong toàn bộ thời gian tổ chức đào tạo và số lượng người học không vượt năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định xác định số lượng tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được chuyển đến những ngành thuộc cùng nhóm ngành mà sinh viên đang theo học;

đ) Được sự đồng ý của Thủ trưởng các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo, người phụ trách phân hiệu (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của Hiệu trưởng cơ sở đào tạo.

2. Sinh viên được xem xét chuyển cơ sở đào tạo khi có đủ các điều kiện sau trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này:

a) Sinh viên đã đạt trình độ năm thứ nhất và không là sinh viên năm cuối khóa, không thuộc diện xem xét xử lý kết quả học tập tại Điều 17 và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 7 Điều 4 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

c) Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo mà sinh viên chuyển đến theo quy định xác định số lượng tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Chuyển cơ sở đào tạo có cùng ngành đào tạo với ngành sinh viên đang theo học;

đ) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo nơi chuyển đến;

e) Được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ theo quy định tại Điều 18 của Quy chế này.

3. Sinh viên được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy sang hình thức đào tạo thường xuyên của cơ sở đào tạo nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến.

4. Sinh viên của phân hiệu hoặc cơ sở đào tạo được sáp nhập, chia tách, giải thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền thực hiện theo quyết định sáp nhập, chia tách, giải thể phân hiệu hoặc cơ sở đào tạo.

5. Việc chuyển sinh viên trong trường hợp cơ sở đào tạo, phân hiệu bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi quyết định cấp phép hoạt động thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 22. Đối tượng được miễn, tạm hoãn học các học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh, Giáo dục thể chất

1. Đối tượng được miễn, tạm hoãn các học phần về Giáo dục quốc phòng - an ninh (gọi tắt là GDQP-AN):

a) Đối tượng được miễn học học phần GDQP-AN: (1) Sinh viên có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các trường quân đội, công an cấp. (2) Sinh viên đã có chứng chỉ GDQP-AN tương ứng với trình độ đào tạo. (3) Sinh viên là người nước ngoài.

b) Đối tượng được miễn học, miễn thi một trong những học phần thuộc các nội dung trong chương trình GDQP-AN là những sinh viên có giấy xác nhận kết quả học tập các học phần đã học và đạt từ 5,00 điểm trở lên theo thang điểm 10.

c) Đối tượng được miễn học các nội dung thực hành kỹ năng quân sự: (1) Sinh viên là người khuyết tật, có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật. (2) Sinh viên không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý thuộc diện miễn làm nghĩa vụ quân sự theo quy định hiện hành. (3) Sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân.

d) Đối tượng được tạm hoãn học học phần GDQP-AN: (1) Sinh viên vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị, phải có giấy xác nhận của bệnh viện nơi sinh viên điều trị. (2) Sinh viên là nữ đang mang thai hoặc trong thời gian nghỉ chế độ thai sản theo quy định hiện hành.

2. Đối tượng được miễn, tạm hoãn các học phần về Giáo dục thể chất:

a) Đối tượng được miễn toàn bộ các học phần về Giáo dục thể chất: sinh viên đã hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất phù hợp với trình độ đào tạo.

b) Đối tượng được miễn các học phần thực hành về Giáo dục thể chất: sinh viên có thương tật, dị tật bẩm sinh làm hạn chế chức năng vận động (có giấy chứng nhận theo quy định của bệnh viện cấp huyện hoặc tương đương trở lên).

c) Đối tượng được tạm hoãn các học phần về Giáo dục thể chất: (1) sinh viên đang học nhưng sức khỏe không bảo đảm (có giấy xác nhận của cơ sở y tế theo quy định); (2) sinh viên là nữ đang mang thai và trong thời gian nghỉ thai sản theo quy định hiện hành.

Điều 23. Trao đổi sinh viên và hợp tác đào tạo

1. Trao đổi sinh viên

Việc tổ chức thực hiện và quản lý chương trình trao đổi sinh viên giữa Trường Đại học Thủ Dầu Một và các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà trường.

2. Hợp tác đào tạo

Việc tổ chức hợp tác đào tạo chỉ áp dụng đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học, bao gồm: đối tượng, hình thức liên kết đào tạo, tổ chức liên kết đào tạo, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết đào tạo được thực hiện theo quy định liên kết đào tạo hiện hành của Trường Đại học Thủ Dầu Một.

3. Trên cơ sở đánh giá và công nhận kết quả học tập, sinh viên của cơ sở đào tạo có thể đăng ký thực hiện học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác và bảo đảm tổng số tín chỉ sinh viên tích lũy tại các cơ sở đào tạo khác theo tất cả các hình thức đào tạo luôn thấp hơn 50% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 18 của Quy chế này.

4. Trong hợp tác đào tạo, các cơ sở đào tạo chủ trì thỏa thuận hợp tác với cơ sở đào tạo phối hợp khai thác để sử dụng cơ sở thực hành, phòng thí nghiệm, học liệu, hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện phục vụ đào tạo khác theo yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng đào tạo; cơ sở phối hợp không tham gia vào hoạt động tổ chức giảng dạy để cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục đại học.

5. Tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các chương trình trao đổi học tập tích lũy tín chỉ học tập tại các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài và được công nhận chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy tại cơ sở giáo dục đại học nước ngoài phù hợp với các học phần tương đương trong các chương trình đào tạo đang theo học.

Điều 24. Học cùng lúc hai chương trình

1. Đối với phương thức đào tạo theo tín chỉ, sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình khác, ngành khác khi điều kiện của cơ sở đào tạo cho phép, nhưng chỉ được hưởng các quyền lợi chính thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công học chương trình thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện sau và các điều kiện khác của cơ sở đào tạo:

a) Đã tích lũy tối thiểu 25% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo và đạt điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai của năm sinh viên trúng tuyển chương trình thứ nhất;

b) Đã tích lũy tối thiểu 25% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo và đạt điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai của năm sinh viên trúng tuyển chương trình thứ nhất.

3. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất xếp loại dưới trung bình hoặc thuộc diện xử lý kết quả học tập quy định tại Điều 17 của Quy chế này thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo; sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

4. Thời gian học tối đa của sinh viên học đồng thời hai chương trình được xác định theo thời gian tối đa của chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 7 Điều 4 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng ký muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.

6. Cơ sở đào tạo chỉ tổ chức đào tạo chương trình thứ hai cho sinh viên khi đáp ứng các yêu cầu bảo đảm chất lượng về số lượng tuyển sinh, năng lực đào tạo; đồng thời có quy định chi tiết về quy trình, điều kiện đăng ký học và cấp bằng tốt nghiệp chương trình thứ hai.

Điều 25. Học chương trình tích hợp trình độ đại học và trình độ thạc sĩ

1. Sinh viên thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy được phép đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cùng nhóm ngành đào tạo khi đạt ít nhất 3/4 khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo trình độ đại học ban đầu và có điểm trung bình tích lũy đạt xếp loại

từ khá hoặc mức tương đương trở lên. Khối lượng học phần thạc sĩ học trước được công nhận, chuyển đổi khi trúng tuyển chính thức vào chương trình thạc sĩ tối đa không quá 40% số tín chỉ của chương trình đào tạo thạc sĩ cùng nhóm ngành.

2. Sinh viên buộc phải dừng chương trình tích hợp nếu có điểm trung bình chung tích lũy không được xếp loại từ khá trở lên.

3. Sinh viên tham gia chương trình tích hợp được tư vấn học thuật, thông tin đầy đủ về học phí, tiến độ học tập, điều kiện duy trì, điều kiện chuyển ra khỏi chương trình và quyền lợi liên quan.

4. Sinh viên được cấp bằng cùng lúc trình độ đại học và trình độ thạc sĩ khi đáp ứng chuẩn đầu ra và yêu cầu cần đạt của từng giai đoạn và toàn bộ quá trình đào tạo.

Điều 26. Đào tạo liên thông để cấp văn bằng trình độ đại học

1. Cơ sở đào tạo tổ chức tuyển sinh và đào tạo cho người đã tốt nghiệp chương trình đào tạo có bậc trình độ thấp hơn bậc 6 để theo học chương trình đào tạo trình độ đại học khi cơ sở đào tạo đã tổ chức đào tạo theo tín chỉ (riêng các ngành an ninh, quốc phòng thực hiện theo quy định của cơ sở đào tạo) và đã tuyển sinh được tối thiểu 03 khóa theo chương trình, ngành đào tạo và hình thức đào tạo mà sinh viên lựa chọn, không áp dụng đối với đào tạo các ngành Y khoa, Răng Hàm Mặt.

2. Người học liên thông thực hiện chương trình đào tạo và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi chứng chỉ giáo dục đại học, số tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại Điều 18 của Quy chế này và các quy định hiện hành.

3. Người học liên thông phải đáp ứng các quy định về điều kiện tuyển sinh theo quy định, được công nhận kết quả học tập đã tích lũy của người học nếu đáp ứng chuẩn đầu ra tương đương của chương trình đào tạo khác hoặc trình độ khác mà người học theo học. Bảo đảm chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ở trình độ tương ứng; người học liên thông được áp dụng thống nhất điều kiện học tập, kiểm tra, đánh giá, công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng như đối với người học khác cùng chương trình đào tạo và hình thức đào tạo.

Điều 27. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm của sinh viên và các quy định hiện hành, cơ sở đào tạo quy định chi tiết quy trình thực hiện, hình thức kỷ luật tại quy chế của cơ sở đào tạo đối với các hành vi vi phạm chính sau và các hành vi khác (nếu có):

1. Sinh viên có gian lận trong quá trình học tập, thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, liêm chính học thuật, liêm chính khoa học sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định về khảo thí và đánh giá kết quả học

tập của người học trình độ đào tạo đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên có hành vi gian lận ở mức độ nghiêm trọng (có tổ chức hoặc dùng công nghệ): hồ sơ học tập, nhờ người khác thi hộ hoặc đi thi hộ cho người khác, sử dụng trái phép trí tuệ nhân tạo (AI), công cụ số, phương tiện công nghệ để gian lận, mua hoặc bán bài tập, đồ án, khóa luận tốt nghiệp, can thiệp trái phép vào LMS hoặc hệ thống điểm đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm từ lần thứ hai.

3. Sinh viên sử dụng hồ sơ và văn bằng giả, chứng chỉ giả (ngoại ngữ, tin học, bằng tốt nghiệp THPT...) để đáp ứng điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ. Nếu sinh viên chưa được cấp bằng tốt nghiệp nhưng đã có quyết định công nhận tốt nghiệp thì thực hiện quyết định hủy kết quả công nhận tốt nghiệp.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Các Trưởng Đơn vị thuộc và trực thuộc trong toàn trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, Nhà trường kiểm tra việc chấp hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại các Đơn vị đào tạo.

3. Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có thể quyết định sửa đổi, bổ sung một số quy định cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 29. Chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin

1. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm:

a) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, Trưởng các đơn vị chủ động thực hiện việc lưu trữ, cập nhật dữ liệu về hoạt động giáo dục đại học trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học bao gồm: số liệu sinh viên tuyển mới, sinh viên tốt nghiệp, văn bằng tốt nghiệp, sinh viên thôi học và đang học trong năm, sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm trong thời gian 12 tháng sau tốt nghiệp; phân loại theo đối tượng đầu vào, chương trình đào tạo, khóa đào tạo và hình thức đào tạo;

b) Nhà trường thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo về tình hình tuyển sinh và đào tạo tại địa phương.

2. Nhà trường có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu liên quan tới công tác đào tạo theo các quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định về lưu trữ.

a) Quyết định trúng tuyển, sổ bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại cơ sở đào tạo;

b) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo được lưu trữ, bảo quản trong suốt quá trình đào tạo;

c) Việc tiêu hủy tài liệu liên quan tuyển sinh, đào tạo hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Nhà trường công khai trên trang thông tin điện tử chậm nhất 45 ngày trước khi tổ chức đào tạo:

a) Quy chế và các quy định quản lý đào tạo có liên quan;

b) Quyết định ban hành chương trình đào tạo, quyết định phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo hoặc quyết định mở ngành đào tạo và các quyết định nêu tại khoản 1 Điều này đối với chương trình sẽ tổ chức đào tạo;

c) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Các minh chứng về việc các chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

đ) Thông báo tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh hiện hành;

e) Các minh chứng về việc đáp ứng các yêu cầu tối thiểu đối với liên kết đào tạo theo quy định tại Quy chế này.

4. Công khai trên trang thông tin điện tử các văn bản hướng dẫn sinh viên thực hiện quyền được đối xử công bằng trong quá trình học tập tại cơ sở đào tạo (sinh viên có thể khiếu nại khi quyền lợi bị xâm phạm, trong xét tốt nghiệp, trong đánh giá học phần, hay trong xử lý kỷ luật).

Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quy chế này áp dụng đối với khóa tuyển sinh năm 2026 và bắt đầu tổ chức đào tạo từ năm học 2026 - 2027 trở đi.

2. Đối với các khoá tuyển sinh đã có thông báo tuyển sinh trước ngày Quy chế này có hiệu lực và chưa nhập học hoặc chưa tổ chức đào tạo, các khóa đang đào tạo theo các hình thức chính quy, vừa làm vừa học, từ xa; chương trình đào tạo từ xa đã công bố, tuyển sinh hoặc đang triển khai; hoạt động liên kết đào tạo đã ký kết, đã tuyển sinh; kết quả học tập, tín chỉ, học phần, chứng chỉ đã được công nhận, chuyển đổi hoặc miễn trừ thì thực hiện theo các Quy chế đào tạo trình độ đại học có hiệu lực tại thời điểm thông báo tuyển sinh.

3. Các chứng chỉ ngoại ngữ, minh chứng năng lực ngoại ngữ sử dụng cho các chương trình đào tạo trình độ đại học quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 Ban hành Quy chế

tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, và Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

4. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ của người học theo các chương trình đào tạo trình độ đại học tổ chức thực hiện theo Quy chế này áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ trong các Chuẩn chương trình đào tạo đã ban hành.

Trường hợp chưa có chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, nhóm ngành, lĩnh vực thì chuẩn đầu ra ngoại ngữ của người học tiếp tục áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ quy định tại các chương trình đào tạo đã ban hành trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực cho đến khi có Chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, nhóm ngành, lĩnh vực tương ứng.